

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-QLTTĐT ngày 02/8/2024 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp xin thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ người có tài sản đấu giá:

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Số 155, đường Phù Đổng, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Tên tài sản bán đấu giá: Tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu, gồm 06 lô tài sản, cụ thể như sau:

Lô tài sản	Tài sản	Tổng trị giá tài sản (Đồng)
1	Ốp lưng điện thoại, kính cường lực	11.350.000
2	Mắt kính	6.750.000
3	Bộ máy rửa xe, máy mài cầm tay, đầu bơm nước, máy xay thịt, mô tơ điện	10.400.000
4	Xe đạp, xe đạp điện	37.200.000
5	Loa cầm tay, đèn chớp, thùng loa bass	29.150.000
6	Quần áo may sẵn	154.340.000

(Đính kèm bảng kê tài sản)

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá:

- Thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (đính kèm Phụ lục I).

- Phần điểm cộng 5 điểm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022, cụ thể như sau:

+ Tổ chức đấu giá nào có kinh nghiệm đấu giá từ 4 năm trở lên được cộng 2 điểm, từ 3 năm đến dưới 4 năm được cộng 1,5 điểm, dưới 3 năm được cộng 1 điểm.

+ Tổ chức đấu giá nào có số tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề cao nhất (trừ thuế giá trị gia tăng): cộng 1 điểm.

+ Tổ chức đấu giá nào có mức thù lao dịch vụ đấu giá thấp nhất: cộng 2 điểm.

5. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:

Kể từ ngày 06/8/2024 đến ngày 08/8/2024 (Trong giờ hành chính) nếu các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu thì nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Số 155, đường Phù Đổng, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

* Lưu ý:

- Không hoàn lại hồ sơ đối với đơn vị có hồ sơ không được lựa chọn.

- Bán nguyên trạng tài sản, người được quyền mua tài sản tự chịu trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung các thủ tục cần thiết theo quy định nếu đưa hàng hóa ra lưu thông trên thị trường.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký. / . *hcm*

Nơi nhận:

- Cục trưởng (b/c);
- Công TTĐT Cục;
- Niêm yết tại trụ sở Cục;
- Công TTĐTQG về ĐGTS;
- Lưu: VT, NVTH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Huệ

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP



BẢNG KÊ TÀI SẢN LÀ TANG VẬT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU XỬ LÝ BÁN ĐẤU GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: **662** /TB-QLTTĐT ngày **05**... tháng 8 năm 2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp)

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/ tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày, tháng								
I. Lô ốp lung điện thoại, kính cường lực				Tổng trị giá tài sản							11.350.000
1	Đội Quản lý thị trường số 1	49010082/QĐ-XPFC	17/7/2024	Ốp lung điện thoại	Nhãn hiệu Fashion case	Trung Quốc	CQSD	Cái	90	55.000	4.950.000
				Ốp lung điện thoại	Nhãn hiệu WK Design	Trung Quốc	CQSD	Cái	10	55.000	550.000
14	Đội Quản lý thị trường số 4	49040023/QĐ-XPFC	02/5/2024	Kính cường lực	Nhãn hiệu KINGKONG GLASS, WTP – 038	Trung Quốc	CQSD	Cái	20	180.000	3.600.000
				Kính cường lực	Nhãn hiệu ANTI-PEEPING 4D Tempered Class (3600)	Trung Quốc	CQSD	Cái	15	150.000	2.250.000
III. Lô mắt kính				Tổng trị giá tài sản							6.750.000
6	Đội Quản lý thị trường số 4	49040004/QĐ-XPFC	31/01/2024	Mắt kính	Nhãn hiệu TR90, loại trong nhựa	Hàn Quốc	CQSD	Cái	30	225.000	6.750.000
II. Lô bộ máy rửa xe, máy mài cầm tay, đầu bơm nước, máy xay thịt, mô tơ điện				Tổng trị giá tài sản							10.400.000
3	Đội Quản lý thị trường số 3	49030074/QĐ-XPFC	15/07/2024	Bộ máy rửa xe	Bộ máy rửa xe (mô tơ điện, đầu nén, ống dây). Không nhãn hiệu. Không thông số kỹ thuật	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	1	4.000.000	4.000.000
				Máy mài cầm tay	Nhãn hiệu: Angle Griner. Model: W0025. Công suất: 1.100W	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	1	1.200.000	1.200.000
				Máy mài cầm tay	Không nhãn hiệu. Không thông số kỹ thuật	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	1	800.000	800.000
				Đầu bơm nước	Không nhãn hiệu. Không thông số kỹ thuật	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	1	1.000.000	1.000.000



STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/ tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
		Số	Ngày, tháng									
				Máy xay thịt	Không nhãn hiệu. Không thông số kỹ thuật	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	1	1.800.000	1.800.000	
				Mô tơ điện	Không nhãn hiệu. Không thông số kỹ thuật	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	1	1.600.000	1.600.000	
IV. Lô xe đạp, xe đạp điện										Tổng trị giá tài sản		37.200.000
4	Đội Quản lý thị trường số 3	49030075/QĐ-XPHC	16/07/2024	Xe đạp điện	Nhãn hiệu: TTFAIR, màu đen, Số máy: TLHJ48V600W2407190002T; Số khung: Không có, Có bình ắc quy và bộ sạc kèm theo xe	Không rõ NGXX	CQSD	Chiếc	1	7.800.000	7.800.000	
				Xe đạp điện	Nhãn hiệu: TTFAIR, màu trắng, Số máy: TLHJ48V600W2407049603T; Số khung: Không có, Có bình ắc quy và bộ sạc kèm theo xe	Không rõ NGXX	CQSD	Chiếc	1	7.800.000	7.800.000	
				Xe đạp điện	Nhãn hiệu: SAITHU, màu cam, Số máy: WWBS48V450W22094708; Số khung: 190822209219087, Có bình ắc quy và bộ sạc kèm theo xe	Không rõ NGXX	CQSD	Chiếc	1	7.000.000	7.000.000	
				Xe đạp điện	Nhãn hiệu: SK ELEIOR SIODP SUOIEUIP E-BIKE, màu đen, Số máy: YJ48V350W230167764; Số khung: 237222310980969, Có bình ắc quy và bộ sạc kèm theo xe	Không rõ NGXX	CQSD	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000	
5	Đội Quản lý thị trường số 3	49030076/QĐ-XPHC	16/07/2024	Xe đạp	Nhãn hiệu: YEYE, loại 20 inch	Không rõ NGXX	CQSD	Chiếc	3	1.700.000	5.100.000	
V. Lô loa cầm tay, đèn chớp, thùng loa bass										Tổng trị giá tài sản		29.150.000
2	Đội Quản lý thị trường số 1	49010084/QĐ-XPHC	19/7/2024	Loa cầm tay	Nhãn hiệu MEGAPHONE	Trung Quốc	CQSD	Cái	3	300.000	900.000	
				Đèn chớp	Không nhãn hiệu	Trung Quốc	CQSD	Bộ	40	110.000	4.400.000	

C. M. P.
C
TRU
NG TH
V. L. Y.

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/ tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày, tháng								
11	Đội Quản lý thị trường số 4	49040018/ QĐ-XPHC	26/3/2024	Thùng loa bass	Nhãn hiệu IMPEDANCE, DDS-860JX	Trung Quốc	CQSD	Bộ	6	1.350.000	8.100.000
				Thùng loa bass	Nhãn hiệu YAMAHA, NS-460	Nhật Bản	CQSD	Bộ	1	1.350.000	1.350.000
				Thùng loa bass	Nhãn hiệu Technics, Model: SB-6	Nhật Bản	CQSD	Bộ	1	1.350.000	1.350.000
				Thùng loa bass	Nhãn hiệu PIONEEX, CS-F45	Nhật Bản	CQSD	Bộ	1	1.800.000	1.800.000
				Thùng loa bass	Nhãn hiệu PHONIC, ask 215	Trung Quốc	CQSD	Bộ	1	3.600.000	3.600.000
				Thùng loa bass	Nhãn hiệu PEAVEY, Model: MB-2, BASS ENCLOSURE	Mỹ	CQSD	Bộ	1	2.250.000	2.250.000
				Thùng loa bass	Nhãn hiệu Cyberpro, DDS-950	Malaysia	CQSD	Bộ	1	900.000	900.000
				Thùng loa bass	Nhãn hiệu PEAKER SYSTEM ONKYO, D-700F	Nhật Bản	CQSD	Bộ	1	1.800.000	1.800.000
				Thùng loa bass	Nhãn hiệu Victor, VOSS, PS-T230 (B)	Nhật Bản	CQSD	Bộ	1	900.000	900.000
				Thùng loa bass	Nhãn hiệu YAMAHA, Model: KMS-2500	Indonesia	CQSD	Bộ	1	1.800.000	1.800.000
VI. Lô quần áo may sẵn					Tổng trị giá tài sản						154.340.000
7	Đội Quản lý thị trường số 4	49040013/ QĐ-XPHC	07/03/2024	Quần dài nữ	Nhãn hiệu LANNO	Thái Lan	CQSD	Cái	80	135.000	10.800.000
8	Đội Quản lý thị trường số 4	49040014/ QĐ-XPHC	12/03/2024	Đảm thun trẻ em các loại	Nhãn hiệu Diệp Hoài		CQSD	Cái	130	63.000	8.190.000
				Đảm thun trẻ em các loại	Nhãn hiệu Chi Thuyết		CQSD	Cái	80	63.000	5.040.000

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/ tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày, tháng								
				Đầm thun trẻ em các loại	Nhãn hiệu Mến Giang	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	170	63.000	10.710.000
				Áo thun nam	Nhãn hiệu MINGLANGXIPAI		CQSD	Cái	40	180.000	7.200.000
				Đồ thun nam	Nhãn hiệu DOUSHIGUO		CQSD	Cái	40	180.000	7.200.000
				Quần dài nữ	Nhãn hiệu Shiang Yilang		CQSD	Cái	30	180.000	5.400.000
9	Đội Quản lý thị trường số 4	49040016/ QĐ-XPHC	19/3/2024	Quần dài nữ	Nhãn hiệu MA.lady	Trung Quốc	CQSD	Cái	10	270.000	2.700.000
				Chân váy nữ	Nhãn hiệu ONE BALA	Trung Quốc	CQSD	Cái	10	240.000	2.400.000
10	Đội Quản lý thị trường số 4	49040017/ QĐ-XPHC	20/3/2024	Quần Jeans Nam	Nhãn hiệu DSOUARED	ITALY	CQSD	Cái	10	490.000	4.900.000
12	Đội Quản lý thị trường số 4	49040019/ QĐ-XPHC	01/4/2024	Quần Jeans Nữ	Nhãn hiệu L.X.F.F	Trung Quốc	CQSD	Cái	10	270.000	2.700.000
				Quần Jeans Nữ	Nhãn hiệu My Style	Trung Quốc	CQSD	Cái	35	270.000	9.450.000
				Áo thun Nữ	Nhãn hiệu Xiaofeifel	Trung Quốc	CQSD	Cái	10	225.000	2.250.000
				Quần Jeans Nữ	Nhãn hiệu DESIGER INDIVIDUALITY	Trung Quốc	CQSD	Cái	8	270.000	2.160.000
				Quần Jeans Nữ	Nhãn hiệu DENIM WEAR	Trung Quốc	CQSD	Cái	7	270.000	1.890.000
13	Đội Quản lý thị trường số 4	49040020/ QĐ-XPHC	08/4/2024	Quần dài nữ	Nhãn hiệu JEANS	Trung Quốc	CQSD	Cái	20	360.000	7.200.000
				Quần sọt nữ	Nhãn hiệu JEANS	Trung Quốc	CQSD	Cái	60	270.000	16.200.000
				Quần sọt nữ	Nhãn hiệu My style	Trung Quốc	CQSD	Cái	15	180.000	2.700.000
				Quần dài nữ	Nhãn hiệu WORLE	Trung Quốc	CQSD	Cái	10	360.000	3.600.000

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/ tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày, tháng								
15	Đội Quản lý thị trường số 4	49040046/QĐ-XPHC	04/7/2024	Quần jeans nữ	Nhãn hiệu L&Q Jeans	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	5	200.000	1.000.000
				Áo thun nữ các loại	Nhãn hiệu CH Design	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	50	190.000	9.500.000
16	Đội Quản lý thị trường số 4	49040047/QĐ-XPHC	08/7/2024	Quần tây nam	Nhãn hiệu BINKENZO	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	14	450.000	6.300.000
				Quần short nam	Nhãn hiệu BINKENZO	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	20	320.000	6.400.000
				Quần short kaki nam	Nhãn hiệu ODYLO	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	27	300.000	8.100.000
				Quần short kaki nam	Nhãn hiệu PRINCE	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	15	290.000	4.350.000
				Quần Jeans nam	Nhãn hiệu FA Jeans	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	9	450.000	4.050.000
				Quần short nam	Nhãn hiệu K & H	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	15	130.000	1.950.000

Ghi chú:

NGXX: Nguồn gốc, xuất xứ

CQSD: Chưa qua sử dụng

ĐQSD: Đã qua sử dụng



PHỤ LỤC I

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN¹

Kèm theo Thông báo số 662/TB-QLTTĐT ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật	3,0



¹ Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

	<i>tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3,0
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0

4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu	5,0



	giá quyết định	
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
<i>1</i>	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
<i>2</i>	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>